

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2021

V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2021/TLST- HNGĐ ngày 01/11/2021 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị T. Sinh năm 1984.

Địa chỉ: xóm Trung Hồng, (xóm Trung Hậu cũ), xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L. Sinh năm 1977.

Địa chỉ: xóm Trung Hồng, (xóm Trung Hậu cũ), xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Hiện nay đang làm việc tại: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 19/7/2021 và ngày 15/11/2021, chị Phan Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An vào ngày 20/10/2008. Đến năm 2018, anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi đi đến nay, anh L chưa về nước lần nào. Anh L cũng ít gọi

điện về cho gia đình, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến nay anh L không còn quan tâm gì đến vợ con. Địa chỉ của anh L hiện ở nước ngoài chị cũng không biết cụ thể. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Duy L. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Duy Ch, sinh ngày 26/6/2009 và cháu Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh ngày 02/01/2013. Hai cháu hiện đang ở với chị T. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Nguyễn Duy L cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Về tài sản chung và các khoản nợ chung vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phan Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án, toàn bộ ý kiến giữ nguyên như trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lý đã gửi cho Tòa án.

Về phía anh Nguyễn Duy L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh Nguyễn Duy L có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử...cho anh L thông qua bà Phan Thị C là mẹ của anh L; thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật, nhưng hiện tại anh L vắng mặt không có lý do. Theo trình bày của bà Phan Thị C thì anh L đang làm việc ở Đài Loan, có điện thoại về cho bà, nhưng bà không biết địa chỉ hiện tại anh L ở đâu. Bà đã thông báo cho anh L việc chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh L không có ý kiến gì. Bà cũng không có ý kiến gì trong việc ly hôn của anh L và chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Phan Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy L; giao các con chung của vợ chồng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, chia tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Nguyễn Duy L có địa chỉ trước khi đi nước ngoài tại xã Nhân

Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, anh L hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Duy L hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản cho bà Phan Thị C, mẹ đẻ anh L, đề nghị bà C thông báo cho anh L biết về yêu cầu khởi kiện của chị T và cung cấp địa chỉ của anh L hiện nay nhưng bà C không cung cấp được. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, tại nơi cư trú của anh L trước khi đi nước ngoài. Theo xác nhận của địa phương và xác minh bà Phan Thị C, thì anh Nguyễn Duy L có hộ khẩu tại xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần đối với anh L, nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Phan Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự

[3] Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, chị T và anh Nguyễn Duy L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2008. Từ năm 2018, anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi đi nước ngoài, anh L cũng ít gọi điện về cho gia đình, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến nay anh L không còn quan tâm gì đến vợ con. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị T. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Duy L có hai con chung là cháu Nguyễn Duy Ch, sinh ngày 26/6/2009 và cháu Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh ngày 02/01/2013. Hai cháu hiện đang ở với chị T. Các cháu hiện đang sống cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con; anh L hiện đang

ở nước ngoài và không có ý kiến gì. Vì vậy, cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng các cháu. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

Về cấp dưỡng: Hiện nay chị T chưa yêu cầu và anh L chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Chị Phan Thị T không yêu cầu giải quyết, anh Nguyễn Duy L cũng chưa có ý kiến, vì vậy Tòa án không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T.

[1]. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị T và anh Nguyễn Duy L được ly hôn.

[2]. Nuôi con chung:

[2.1]. Giao con chung là các cháu Nguyễn Duy Ch, sinh ngày 26/6/2009 và cháu Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh ngày 02/01/2013 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.2]. Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011523, ngày 27/10/2021.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Chị Phan Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Duy L đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồ Cảnh Hồ Bá Võ

Trần Quốc Cường